

Bản án số: **905/2023/HS-PT**

Ngày: 11/12/2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Hải;

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hồng P, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1149/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***\* Bị cáo có kháng cáo:***

**1. Hoàng Văn T**, sinh ngày 09/01/1979 tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; con ông: Hoàng Văn S1 (đã chết); con bà: Long Thị M (đã chết); vợ: Tiêu Thị Y, sinh năm 1980; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; cùng trú tại: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; anh, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 04 anh chị em; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến ngày 05/11/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh C và được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nông Văn S**, sinh ngày 18/8/1989 tại xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; con ông: Nông Văn T1, sinh năm 1952; con bà: Ngân Thị K, sinh năm 1952; cùng trú tại: Xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1989; con: 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); cùng trú tại: Xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; anh, chị, em ruột: Bị cáo là con út trong gia đình có 06 chị em. Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến ngày 05/11/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh C và được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; Có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S: Ông Nông Văn D, Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh C; Có mặt tại phiên tòa.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 26/9/2022, tại khu vực cách ngã ba đường rẽ vào mốc 797 khoảng 400 mét về hướng mốc 798 thuộc Lũng Thoang, xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; tổ công tác Đoàn biên phòng N1 phối hợp với Phòng Trinh sát Phòng chống ma túy và tội phạm Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C, Cục phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng phát hiện một nhóm người đi từ hướng biên giới Trung Quốc vào Việt Nam có biểu hiện nghi vấn nên ra hiệu lệnh kiểm tra thì các đối tượng bỏ chạy. Tổ công tác tiến hành truy bắt được 03 đối tượng, trong đó có 01 người Việt Nam là Hoàng Văn T, sinh năm 1979; trú tại xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng và 02 người đàn ông Trung Quốc. Mở rộng tìm kiếm, tổ công tác phát hiện 04 người Trung Quốc đang ẩn nấp trong rẫy ngô là những người trong nhóm 06 người Trung Quốc dẫn đường nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, gồm:

- Vương P1, sinh năm 1998, địa chỉ: Số C, tổ G, thôn C, trấn C, huyện B, thành phố T, Trung Quốc.

- Liêu Tu L, sinh năm 2000, địa chỉ: Số 999, thôn Tứ Hợp Trang, trấn Phổ Tử, huyện Bành Thủy, thành phố Trùng Khánh, Trung Quốc.

- Vạn Bằng, sinh năm 1988, địa chỉ: Số C, tổ Đ, thôn P, trấn Đ, huyện H, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

- Lưu Hải Q, sinh năm 1984, địa chỉ: Số A, tổ H, thôn T, trấn T, huyện H, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

- Đồ Thông, sinh năm 1999, địa chỉ: Số A, tổ H, thôn L, trấn Q, huyện Ô, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

- Hứa Trùng K1, sinh năm 1990, địa chỉ: Số D, đường K, thị trấn L, huyện Ô, thành phố T, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

T khai nhận cùng tham gia vào việc đưa, đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam còn có Nông Văn S, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình điều tra, xác định: Trong tháng 9/2022, Hoàng Văn T và Nông Văn S đã 02 lần tổ chức cho 08 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào 17 giờ ngày 20/9/2022, có một người đàn ông Việt Nam (không rõ họ tên, địa chỉ) sử dụng số điện thoại 0328.113.625 gọi cho Hoàng Văn T bảo kết bạn Wechat. Sau đó người này đề nghị T lên khu vực giữa Mốc biên giới số 801 và 802 đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến khu vực xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng sẽ được trả công 10.000.000 đồng và nhận tiền trực tiếp với người lái xe ô tô đến chở người; T đồng ý và rủ thêm Nông Văn S cùng thực hiện. Khoảng 20 giờ ngày 20/9/2022, T đi bộ lên khu vực giữa Mốc 801 và 802, trên đường đi có gọi điện thông báo cho S đến khu vực B thuộc địa phận xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng cảnh giới, thấy lực lượng chức năng tuần tra thì báo ngay cho T. Sau khi đón được 02 người Trung Quốc, T đưa người đến điểm hẹn và chờ người đến đón. Khoảng 03 giờ ngày 21/9/2022, có một xe ô tô màu đen (không rõ biển số, nhãn hiệu) đến đón 02 người Trung Quốc, người lái xe ô tô đưa cho T 10.000.000 đồng, T nhận tiền sau đó trả cho S 2.000.000 đồng tiền công.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 25/9/2022, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0328.113.625 tiếp tục gọi điện thoại cho T thuê đi đón 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại khu vực giữa Mốc biên giới số 797 và 798 thuộc địa phận xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng đưa đến khu vực đường nhựa giáp xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng với số tiền 30.000.000 đồng. Ngoài ra, người này còn gửi T số điện thoại 008616511302947 của người dẫn biên lên Trung Quốc để tiện liên lạc đón người. Sau đó, T nhắn tin qua W cho S thông báo tối cùng ngày đi cảnh giới lực lượng chức năng để T lên Mốc đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, sau khi xong việc sẽ trả tiền công cho S nhưng chưa rõ số tiền là bao nhiêu, S đồng ý.

Khoảng 18 giờ ngày 25/9/2022, T một mình đi bộ lên khu vực giữa Mốc 797 và 798 để đón người Trung Quốc, T gọi cho người sử dụng số điện thoại 008616511302947 nhưng không liên lạc được. T cũng thông báo cho S biết để chủ động đi cảnh giới. Sau khi được T thông báo, S đi xe máy đến khu vực B, giấu xe máy vào bụi cây rồi đi bộ lên đỉnh đồi gần đó để quan sát, cảnh giới cho T. Đến 21 giờ cùng ngày, T đến khu vực ruộng ngô cách đường biên giới khoảng 1km thì thấy có 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đang ẩn nấp trong ruộng ngô, T vẫy tay cho họ ra chỗ của mình. Sau đó, số điện thoại 008616511302947 gọi lại cho T, T cho người này biết đã đón được người Trung Quốc rồi dẫn nhóm người Trung Quốc đến điểm hẹn. Khi T và 06 người Trung Quốc di chuyển đến gần khu vực cách ngã ba đường rẽ vào M 797 khoảng 40 mét về hướng Mốc 798 thuộc Lũng Thoang, xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ; T và S chưa nhận được tiền công.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2023/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T; xử phạt Hoàng Văn T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến ngày 05/11/2022.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn S, xử phạt Nông Văn S 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến ngày 05/11/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2023, bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình “Giấy xác nhận” về việc bị cáo đã hiến đất làm đường và vận động nhân dân trong xóm hiến đất làm đường để Công ty V xây dựng cột phát sóng, Giấy chứng nhận bố bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo S xuất trình “Giấy xác nhận” về hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu không còn khả năng lao động và việc chấp hành chủ trương chính sách pháp luật của của bị cáo tại địa phương, bố đẻ bị cáo là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, đã nộp lại hết số tiền thu lời bất chính, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng điều tra vụ án. Bị cáo T và bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo và áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; xử phạt bị T 06 năm 06 tháng tù, bị cáo S 06 năm tù là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T xuất trình “Giấy xác nhận” của chính quyền địa phương về việc bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng quê hương, hiến đất làm đường và vận động nhân dân trong xóm hiến đất làm đường, Giấy chứng nhận bố bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến; Bị cáo S xuất trình “Giấy xác nhận” về việc chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, tích cực tham gia xây dựng làng xóm, quê hương, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bố mẹ già yếu không còn khả năng lao động, con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên trình độ hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã nộp lại hết số tiền thu lời bất chính. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### [1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng ở các cấp đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Trong tháng 9/2022 Hoàng Văn T và Nông Văn S đã hai lần tổ chức cho 08 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; trong đó, T là người trực tiếp đón, đưa dẫn người Trung Quốc từ khu vực biên giới vào nội địa để giao cho người khác đến đón, S có nhiệm vụ cảnh giới lực lượng chức năng cho T đi đón người. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Tối ngày 20/9/2022 và rạng sáng ngày 21/9/2022, T cùng S đưa được hai người Trung Quốc từ khu vực giữa Mốc biên giới số 801 và 802 đến khu vực xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng giao cho người lái xe ô tô đến đón, được nhận số tiền 10.000.000 đồng. T được hưởng lợi 8.000.000 đồng, còn S được hưởng lợi 2.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Tối ngày 25/9/2022, sáng ngày 26/9/2022 T và S tổ chức cho 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam từ khu vực giữa Mốc biên giới số 797 và 798 thuộc địa phận xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ nên chưa được nhận tiền công.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự, xét xử các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hành vi của bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý cư trú, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn tại địa phương. Bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Văn T là người trực tiếp tiếp nhận thông tin từ người đàn ông có số điện thoại 0328.113.625 thông qua gọi Wechat, trực tiếp trao đổi về thời gian, địa điểm đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và nhận tiền công với người lái xe ô tô chở người đến. Bị cáo S là người cảnh giới, thấy lực lượng chức năng tuần tra thì báo ngay cho T. Như vậy, bị cáo T giữ vai trò đầu vụ, bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Lần thứ nhất bị cáo T nhận 10.000.000 đồng tiền công từ người lái xe, T giữ lại 8.000.000 đồng và chia cho S 2.000.000 đồng; Lần thứ hai các bị cáo bị bắt quả tang nên chưa nhận được tiền công.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, vai trò phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh của các bị cáo và xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lời bất chính; bố bị cáo Hoàng Văn T có Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, bị cáo Nông Văn S có bố là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được hưởng chế độ trợ cấp. Do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra hành vi phạm tội của Nông Văn S nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 năm 06 tháng tù và bị cáo Nông Văn S 06 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T và bị cáo S đều có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, đơn

có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngoài ra, bị cáo T còn hiến 60m<sup>2</sup> đất làm đường không lấy tiền và vận động nhân dân trong xóm hiến đất làm đường khi Công ty V xây dựng cột phát sóng, góp phần cho người dân tại địa phương được sử dụng điện thoại thuận tiện và mở mang tiếp cận thông tin, kiến thức. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy, bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực biên giới có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để thể hiện sự khoan hồng và chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ giảm một phần hình phạt cho các bị cáo như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại tham gia phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do các bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T và Nông Văn S, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T, xử phạt Hoàng Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến ngày 05/11/2022.



Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn S, xử phạt Nông Văn S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2022 đến ngày 05/11/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại TG Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Hải**